

ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGUYỄN THỊ THANH HOÀI

**PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP  
HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ  
BẰNG TÒA ÁN TẠI VIỆT NAM**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ**

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:  
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Thị Hồng Trinh**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn  
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật  
Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Tính cấp thiết của nghiên cứu đề tài .....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài .....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu .....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu .....	5
6. Ý nghĩa về lý luận và thực tiễn của luận văn .....	5
7. Bố cục của đề tài .....	6
<b>CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ BẰNG TÒA ÁN</b> .....	6
<b>1.1. Khái quát về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án</b> .....	6
1.1.1. Khái niệm và phân loại tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế ..	6
1.1.2. Khái niệm về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án.....	7
1.1.3. Vai trò của việc giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng Tòa án .....	8
<b>1.2. Khái quát pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án</b> .....	8
1.2.1. Khái niệm, đặc điểm của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án .....	8
1.2.2. Nội dung pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án.....	10
<b>1.3. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án</b> .....	11
1.3.1. Nguyên tắc bảo vệ chủ quyền quốc gia và lợi ích quốc gia.....	11
1.3.2. Nguyên tắc ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên .....	11
1.3.3. Nguyên tắc tôn trọng sự thỏa thuận, quyền và lợi ích chính đáng của các bên tranh chấp .....	12
Tiểu kết chương 1.....	12
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ BẰNG TÒA ÁN TẠI VIỆT NAM</b> .....	12
<b>2.1. Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam</b> .....	12
2.1.1. Quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam .....	12
2.1.2. Quy định về luật áp dụng giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam .....	14

2.1.3. Quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam.....	16
2.1.4. Đánh giá pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam .....	18
<b>2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam.....</b>	<b>18</b>
2.2.1. Tình hình giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam.....	18
2.2.2. Một số vướng mắc, tồn tại trong việc giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam.....	19
Tiểu kết chương 2.....	19
<b>CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ BẰNG TÒA ÁN TẠI VIỆT NAM .....</b>	<b>20</b>
<b>3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án ở Việt Nam .....</b>	<b>20</b>
3.1.1. Thế chế hóa các quan điểm của Đảng về hoàn thiện pháp luật mua bán hàng hóa trong thời kỳ hội nhập quốc tế .....	20
3.1.2. Thống nhất các quy định của pháp luật trong nước phù hợp với pháp luật quốc tế về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án .....	21
<b>3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án ở Việt Nam.....</b>	<b>21</b>
<b>3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án ở Việt Nam .....</b>	<b>22</b>
3.3.1. Xây dựng đội ngũ chuyên gia giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.....	22
3.3.2. Nâng cao nhận thức, hiểu biết của thương nhân, doanh nghiệp về vai trò và lựa chọn các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án ở Việt Nam .....	23
Tiểu kết chương 3.....	23
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>24</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## DANH MỤC VIẾT TẮT

<b>Chữ viết tắt</b>	<b>Tên đầy đủ</b>
BLDS	Bộ luật Dân sự
BLTTDS	Bộ luật Tố tụng Dân sự
CISG	Công ước Viên về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế
TAND	Tòa án nhân dân
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao



## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của nghiên cứu đề tài**

Việt Nam đang dần tiến những bước chân vững chắc hội nhập vào nền kinh tế thế giới với mong muốn trở thành quốc gia có nền kinh tế phát triển trong khu vực và trên thế giới. Trong quá trình hội nhập đó, Việt Nam đã và đang là miền đất đầy hứa hẹn cho các nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời thị trường nước ngoài cũng sẽ là nơi mà nhiều doanh nghiệp Việt Nam hướng tới. Trong xu thế hội nhập vô cùng năng động và sôi động đó, quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế ngày càng được mở rộng, các quốc gia đang phát triển việc đưa đất nước hội nhập và mở rộng cơ chế thị trường nên vấn đề tranh chấp trong hoạt động mua bán hàng hóa sẽ ngày càng đa dạng và phức tạp hơn dẫn tới việc xảy ra tranh chấp là điều không thể tránh khỏi và cũng không dễ giải quyết được một cách nhanh chóng và chính xác.

Việc nghiên cứu các loại hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, cơ chế giải quyết các tranh chấp từ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế giúp chúng ta nắm bắt được các quy định của Luật Mua bán hàng hóa quốc tế và các tập quán mua bán hàng hóa quốc tế, pháp luật các nước về hoạt động mua bán hàng hóa. Điều này hết sức cần thiết cho các nhà lập pháp và thực thi pháp luật của chúng ta trong quá trình đổi mới, cũng như các doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia ký kết và thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Những tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng rất phổ biến là điểm tất yếu, quan trọng trong việc xác lập các quan hệ trong hoạt động mua bán hàng hóa. Hiện nay, chúng ta có nhiều phương thức giải quyết tranh chấp như: Thương lượng, Hòa giải, Trọng tài, Tòa án, nhưng lựa chọn một phương thức để giải quyết tranh chấp trong Hợp đồng mua bán hàng hóa là rất quan trọng và cần thiết.

Thời gian gần đây, các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đặc biệt là đội ngũ doanh nghiệp đã nhìn nhận và đánh giá tích cực hơn về vai trò của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trong bối cảnh nước ta hội nhập kinh tế toàn cầu ngày càng sâu rộng hơn. Tuy số lượng vụ việc tranh chấp mà các Trung tâm trọng tài thụ lý giải quyết tăng theo thời gian chưa nhiều. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, nhưng nguyên nhân căn bản nhất chính là sự thiếu đồng bộ và nhiều bất cập, hạn chế trong pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế ở nước ta. Về pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế đã có những quy định trong các nguồn luật điều chỉnh nhưng các quy định còn nhiều vướng mắc, bất cập. Thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế cũng gặp nhiều phức tạp, quá trình giải quyết còn nhiều gặp nhiều quan điểm khác nhau về xác định phương thức giải quyết, thẩm quyền giải quyết và lựa chọn luật áp dụng giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Chính vì vậy, việc tìm ra những nội dung còn hạn chế, bất cập, chưa tương thích với pháp luật và tập quán mua bán hàng hóa quốc tế để từ đó đề ra hướng hoàn thiện là một yêu cầu cấp bách hiện nay.

Trên cơ sở nghiên cứu chung về pháp luật mua bán hàng hóa quốc tế và giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế ở các quốc gia, đánh

giá thực tiễn hoạt động của các phương thức trong việc giải quyết các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án ở Việt Nam. Từ đó đề xuất những giải pháp thích hợp cho việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật về tổ chức và nâng cao chất lượng các phương thức giải quyết tranh chấp mua bán hàng hóa quốc tế nói chung, các tranh chấp từ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng.

Chính vì những lý do trên, tôi đã chọn đề tài ***“Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam”*** làm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Luật kinh tế.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Trong lĩnh vực khoa học pháp lý về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có một số công trình nghiên cứu như:

Đồng Thị Kim Thoa (2013), “Cơ chế giải quyết tranh chấp trong mua bán hàng hóa quốc tế”, Luận án tiến sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận án phân tích và làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về cơ chế giải quyết tranh chấp trong tư pháp quốc tế, gồm định nghĩa và nội hàm khái niệm, cấu trúc và mối liên hệ giữa các bộ phận cấu thành, hệ tiêu chí xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp trong tư pháp quốc tế, Việt Nam, trong đó có nhấn mạnh những nội dung có tính chất đặc thù của lĩnh vực tư pháp quốc tế, và hệ giải pháp pháp lý nhằm hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp. Luận án cũng đề xuất một số vấn đề thuộc phạm vi cơ chế giải quyết tranh chấp trong tư pháp quốc tế, Việt Nam cần được bổ sung, hoàn thiện về mặt lý luận và quy định pháp luật. Luận án phân tích thực trạng cơ chế giải quyết tranh chấp trong tư pháp quốc tế, Việt Nam, luận giải những ưu điểm và hạn chế quy định pháp luật hiện hành trong mối liên hệ với thực tiễn áp dụng.

Nguyễn Minh Giáp (2015), “Thực tiễn giải quyết tranh chấp mua bán hàng hóa có yếu tố nước ngoài bằng trọng tài ở Việt Nam”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn nghiên cứu những vấn đề khía cạnh thực tiễn, pháp lý của việc giải quyết tranh chấp mua bán hàng hóa có yếu tố nước ngoài bằng Trọng tài tại Việt Nam, đánh giá thực trạng áp dụng các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp mua bán hàng hóa có yếu tố nước ngoài từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật để phát huy vai trò của Trọng tài trong việc giải quyết tranh chấp mua bán hàng hóa có yếu tố nước ngoài trong bối cảnh hiện nay.

Nguyễn Hồng Nam (2016), “Thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài”, Luận án tiến sĩ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam. Đây là luận án tiến sĩ luật học đầu tiên ở Việt Nam nghiên cứu về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài. Những kết quả khoa học của luận án sẽ góp phần làm phong phú thêm cơ sở lý luận và thực tiễn về tư pháp quốc tế Việt Nam; mục tiêu nghiên cứu chính của luận án là: Góp phần nhất định nâng cao tri thức lý luận chuyên sâu về thẩm quyền của Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự trong tư pháp quốc tế Việt Nam; Làm sáng tỏ những thành tựu, sự tiến bộ, hiện đại cũng



như nêu ra những bất cập của những quy định pháp luật hiện hành về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài; Góp phần vào việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong hệ thống tư pháp quốc tế của Việt Nam.

Trương Minh Trí (2017), “Xác định luật áp dụng để giải quyết tranh chấp mua bán hàng hóa quốc tế bằng trọng tài”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về luật áp dụng trong giải quyết tranh chấp mua bán hàng hóa quốc tế bằng trọng tài ở Việt Nam và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về luật áp dụng trong giải quyết tranh chấp mua bán hàng hóa quốc tế bằng trọng tài.

Nguyễn Hồng Tuyền (2018), “Vai trò của Tòa án đối với trọng tài trong việc giải quyết tranh chấp mua bán hàng hóa quốc tế ở Việt Nam”, Luận án tiến sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận án nghiên cứu vai trò của Tòa án đối với trọng tài trong việc giải quyết tranh chấp mua bán hàng hóa quốc tế, phát hiện những hạn chế, bất cập của hệ thống pháp luật về trọng tài mua bán hàng hóa ở Việt Nam.

Phan Hoài Nam (2018), “Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài tại tòa án Việt Nam”, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Tp. Hồ Chí Minh. Luận án làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến giải quyết tranh chấp quốc tế kinh doanh thương mại có yếu tố nước ngoài tại tòa án nói chung, tại tòa án Việt Nam nói riêng và trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật, đúc kết kinh nghiệm từ thực tiễn giải quyết tranh chấp quốc tế tại tòa án một số nước cũng như phân tích thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam. Luận án chỉ ra những bất cập, những yếu kém trong việc giải quyết loại hình tranh chấp này ở tòa án Việt Nam trong thời gian qua và luận giải cho các giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp quốc tế kinh doanh thương mại có yếu tố nước ngoài tại tòa án Việt Nam theo hướng đảm bảo sự cân bằng giữa việc tôn trọng quyền tự do của các bên tranh chấp với việc thực thi chủ quyền quốc gia, cũng như đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay của Việt Nam.

Mai Thị Trang Phương (2019), “Giải quyết tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng trọng tài ở Việt Nam”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật, Đại học Huế. Luận văn nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giải quyết tranh chấp mua bán hàng hóa quốc tế nói chung và giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng, trên cơ sở đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và tăng cường hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng Trọng tài.

Tuy nhiên các công trình nghiên cứu trên chưa mang tính tổng thể và đề cập trực tiếp đến vấn đề giải quyết tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa bằng các phương thức khác nhau. Do vậy, đây là đề tài Luận văn này có tính

mới, chưa được nghiên cứu tổng thể, cần được làm rõ cả về lý luận và rất cấp bách về thực tiễn.

Các công trình nghiên cứu này đa số là nghiên cứu quy định của BLDS năm 2005 và BLTTDS năm 2015 và các văn bản Luật chuyên ngành khác, đa phần đều là những quy định đã hết hiệu lực, hơn nữa, phạm vi nghiên cứu của các bài viết chỉ tập trung một số khía cạnh trong pháp luật về giải quyết tranh chấp có yếu tố nước ngoài.

Đề tài được thực hiện trên cơ sở tiếp thu chọn lọc và kế thừa các kết quả nghiên cứu của các công trình đã đưa ra nhằm nghiên cứu một cách tổng thể, toàn diện vấn đề này trong lý luận và thực tiễn. Luận văn tiếp tục nghiên cứu sâu về các quy định của pháp luật và giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam và các giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả của các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế ở Việt Nam.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Nghiên cứu đưa ra các nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án trên cơ sở luận giải từ việc đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng liên quan đến vấn đề này ở Việt Nam.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu trên thì yêu cầu đề tài phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận của pháp luật như khái niệm giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, khái niệm về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án và các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án.

- Đánh giá được thực trạng của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam; qua đó tìm ra các ưu điểm và hạn chế để làm cơ sở cho việc đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng trong việc giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam.

- Đánh giá thực trạng giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án ở nước ta trong thời gian qua.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là (i) lý luận pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án; (ii) quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án; (iii) thực tiễn thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Về nội dung: nghiên cứu pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Về không gian: Tập trung vào giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế trên lãnh thổ Việt Nam. Chủ thể hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án có yếu tố nước ngoài.

Về thời gian: Từ năm 2014 đến 2022.

### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

#### **5.1. Phương pháp luận nghiên cứu**

Tiếp cận các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa; Chủ nghĩa Mac Le Nin về duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử làm cơ sở nền tảng cho việc nghiên cứu đề tài.

#### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình nghiên cứu và trình bày, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau bao gồm:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn để phân tích các khái niệm, phân tích quy định của pháp luật, các số liệu... về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án.

- Phương pháp so sánh: Được sử dụng trong luận văn để so sánh một số quy định của pháp luật trong các văn bản khác nhau như Bộ luật Dân sự 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Luật Trọng tài thương mại 2010...

- Phương pháp diễn giải quy nạp: Được sử dụng trong luận văn để diễn giải các số liệu, các nội dung trích dẫn liên quan và phương pháp này được sử dụng tất cả các chương của luận văn

- Phương pháp nghiên cứu điển hình: Sử dụng nghiên cứu phân tích việc áp dụng pháp luật trong các vụ việc điển hình từ bản án của tòa án, phán quyết trọng tài giải quyết tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án ở Việt nam. Qua nghiên cứu, chỉ ra những hạn chế trong áp dụng pháp luật.

Ngoài ra, luận văn còn sử dụng những phương pháp nghiên cứu khác: phương pháp thống kê, phương pháp bình luận,...

### **6. Ý nghĩa về lý luận và thực tiễn của luận văn**

#### **6.1. Về lý luận**

- Luận văn đã xây dựng một số khái niệm, đặc điểm, khung pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án.

- Đã đưa ra một số nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án ở Việt Nam.

#### **6.2. Về thực tiễn**

- Luận văn đánh giá các quy định pháp luật hiện hành, nghiên cứu thực tiễn áp dụng, chỉ ra những vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án ở Việt Nam.

- Những đóng góp của luận văn là cơ sở cho các cơ quan áp dụng pháp luật, cơ quan nghiên cứu và cơ quan xây dựng pháp luật tham khảo trên thực tiễn.

## **7. Bố cục của đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và lời cảm ơn, mục lục, danh mục tài liệu tham khảo thì nội dung Luận văn với kết cấu bao gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về giải quyết tranh chấp mua bán hàng hóa mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam

## **CHƯƠNG 1.**

### **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ BẰNG TÒA ÁN**

#### **1.1. Khái quát về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án**

##### ***1.1.1. Khái niệm và phân loại tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế***

###### ***1.1.1.1. Khái niệm tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế***

Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là tranh chấp giữa các bên trong hợp đồng về việc không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ một hoặc nhiều nghĩa vụ mà các bên cam kết trong hợp đồng. Tranh chấp là điều mà các bên trong hợp đồng không mong muốn, nhưng thực tiễn cho thấy, tranh chấp lại là điều khó có thể tránh khỏi trong hoạt động thương mại quốc tế nói chung và trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng, vì quyền lợi của các bên trong hợp đồng là đối lập nhau'. Do vậy, khi ký kết hợp đồng các thương nhân cần phải nhận thức và dự liệu được những tranh chấp có thể xảy ra (như tranh chấp về chủ thể tham gia ký kết hợp đồng; tranh chấp về tên hàng; số lượng; chất lượng hàng hoá; thời gian địa điểm giao hàng; phương thức thanh toán; luật áp dụng; các trường hợp bất khả kháng, khó khăn trở ngại phát sinh trong quá trình thực hiện hdp đồng...) để từ đó đưa ra các phương pháp, cách thức phòng tránh (như chọn luật giải quyết tranh chấp, đưa vào hợp đồng các điều khoản miễn trách nhiệm, các điều khoản giải quyết tranh chấp...), cũng như phương pháp và cách thức giải quyết (thương lượng, trung gian, hoà giải, tòa án; trọng tài) tranh chấp hợp đồng. Xét từ góc độ chủ thể tham gia trong các hoạt động thương mại, có thể chia tranh chấp mua bán hàng hóa quốc tế nói chung và hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng thành: tranh chấp thương mại giữa quốc gia và quốc gia; tranh chấp giữa quốc gia với các thể nhân, pháp nhân

(thương nhân); tranh chấp giữa các thương nhân có đăng ký kinh doanh tại các quốc gia khác nhau.

Như vậy, có thể khái quát tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là những mâu thuẫn, bất đồng giữa các bên tham gia quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế mà chủ yếu là liên quan đến việc thực hiện hoặc không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng.

#### *1.1.1.2. Các dạng tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế*

- Tranh chấp từ việc thực hiện hoặc không thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, có thể là:

i) Các tranh chấp từ nghĩa vụ giao hàng của người bán (không giao hàng, giao hàng chậm, không giao hoặc giao chậm chứng từ liên quan, giao hàng không đúng quy cách, phẩm chất tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa...). Theo quy định của Công ước Vienna 1980 về mua bán hàng hóa quốc tế, nếu không giao hàng đúng thời hạn đã quy định trong hợp đồng thì người bán bị coi là vi phạm điều khoản cơ bản của hợp đồng (Điều 30).

ii) Các tranh chấp phát sinh do bên mua vi phạm nghĩa vụ (nhận hàng chậm hoặc không nhận hàng, không trả tiền...). Bên mua đã không nhận hàng đúng thời gian quy định hoặc tuyên bố không nhận hàng, hoặc vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng hóa trong một thời gian làm thiệt hại đến người bán, vì vậy pháp luật quy định cho người bán có quyền kiện đòi bồi thường thiệt hại trong trường hợp này.

iii) Các tranh chấp phát sinh liên quan tới việc vận chuyển hàng hóa. Có thể người chuyên chở hàng hóa khiếu nại một trong hai bên hợp đồng thương mại là người thuê vận tải về việc: không kịp thời chỉ định cảng xếp, dỡ hàng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, hoặc bên thuê vận tải hoặc người bảo hiểm khiếu nại người chuyên chở về việc cung cấp phương tiện không kịp thời, không đủ khả năng chuyên chở, không bảo quản hàng hóa theo quy định, giao hàng không đúng đối tượng hoặc giao hàng thiếu vận đơn...

#### *1.1.2. Khái niệm về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án*

Giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án là phương thức giải quyết tranh chấp với sự tham gia của tòa án với ý nghĩa là cơ quan tư pháp của Nhà nước Việt Nam. Khi tranh chấp phát sinh, bên có quyền lợi bị xâm phạm (là thương nhân Việt Nam hoặc nước ngoài) có thể gửi đơn khởi kiện đến tòa án để yêu cầu tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc tòa án có chấp nhận đơn kiện hay không, việc tòa án giải quyết tranh chấp đó theo trình tự, thủ tục nào đều do pháp luật tố tụng của Việt Nam hoặc các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định. Các quyết định, bản án do tòa án tuyên tại mỗi giai đoạn của quá trình giải quyết tranh chấp đều có thể được bảo đảm thi hành bằng sự cưỡng chế của Nhà nước phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng và pháp luật về thi hành án trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Như vậy, có thể đưa ra khái niệm sau về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án là việc tòa án theo các quy định tố tụng dân sự nhằm giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình giao kết, thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong hợp đồng.

### ***1.1.3. Vai trò của việc giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng Tòa án***

#### ***1.1.3.1. Đối với thương mại quốc tế***

Các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế sẽ được giải quyết theo trình tự, thủ tục nghiêm ngặt, chặt chẽ và phán quyết của tòa án về vụ tranh chấp nếu không có sự tự nguyện tuân thủ sẽ được bảo đảm thi hành bằng sức mạnh cưỡng chế của Nhà nước trên phạm vi lãnh thổ của quốc gia. Điều này có vai trò tích cực trong việc duy trì trật tự pháp luật theo hướng tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh thương mại phát triển ở phạm vi quốc tế.

#### ***1.1.3.2. Đối với tòa án Việt Nam***

Kinh nghiệm về giải quyết tranh chấp nói chung và kinh nghiệm về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng của đội ngũ thẩm phán có sự ảnh hưởng và hỗ trợ qua lại lẫn nhau. Những kỹ năng và kinh nghiệm giải quyết tranh chấp nội địa sẽ tạo sự tự tin cho các thẩm phán Việt Nam trong quá trình thụ lý và giải quyết các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

#### ***1.1.3.3. Đối với các bên tranh chấp***

Với các bên tranh chấp, việc tranh tụng tại tòa án đặt ra yêu cầu cho các doanh nghiệp Việt Nam phải có sự am hiểu, có sự chia sẻ với đối tác là bên tranh chấp nước ngoài để có cùng quan điểm về giải quyết tranh chấp phát sinh. Yêu cầu này sẽ giúp các thương nhân, doanh nghiệp Việt Nam học hỏi được kinh nghiệm, kỹ năng từ chính đối tác của mình. Việc giải quyết tranh chấp thành công mà bên Việt Nam thắng kiện sẽ giúp cho doanh nghiệp Việt Nam tự tin hơn trong quá trình đàm phán các hợp đồng tiếp theo.

## **1.2. Khái quát pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án**

### ***1.2.1. Khái niệm, đặc điểm của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án***

#### ***1.2.1.1. Khái niệm pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án***

Trong quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế, đặc biệt trong các giao dịch mua bán hàng hóa quốc tế, nghiên cứu pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là phải nghiên cứu hệ thống các nguyên tắc, quy phạm pháp luật thương mại được quy định trong cả ba nguồn luật trên, bao gồm pháp luật quốc gia liên quan tới giao dịch hợp đồng. Pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế của quốc gia sở tại có ảnh hưởng trực tiếp đến cách thức tiến hành và kết quả hoạt động của các doanh nghiệp tham gia mua bán hàng hóa quốc tế.

Pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm pháp luật điều chỉnh giải quyết tranh chấp phát sinh từ các quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Quan hệ pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế phải dựa trên các hoạt động thương mại nhằm mục đích sinh lợi được thực hiện có tính quốc tế. Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án là quy định pháp luật điều chỉnh về thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế phát sinh bằng tòa án.

*1.2.1.2. Đặc điểm của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án*

*a) Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của tòa án theo sự lựa chọn của các bên*

*Thứ nhất*, thủ tục tố tụng tòa án áp dụng đối với các tranh chấp trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế dựa trên nền tảng tố tụng DS cùng với một số quy định đặc thù cho phù hợp với hoạt động kinh doanh thương mại. Cụ thể, theo pháp luật Việt Nam, các quy định có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp này ngoài việc được quy định tại Phần thứ 8 BLTTDS 2015 còn được quy định tại một số văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật Thương mại 2005, Bộ luật Hàng hải 2015...

*Thứ hai*, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án thường mang tính phức tạp vì các bên tranh chấp có sự bất đồng về ngôn ngữ, do đó, thời gian giải quyết có thể bị kéo dài do yếu tố phiên dịch hoặc dịch thuật các tài liệu, chứng cứ... Ngoài ra, tính phức tạp còn thể hiện ở tính chất của loại hình tranh chấp là các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, có những đặc thù riêng biệt so với các tranh chấp DS thông thường.

*Thứ ba*, thẩm quyền của tòa án quốc gia đối với các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có thể phát sinh dựa trên nhiều căn cứ khác nhau. Thứ tự ưu tiên trong việc áp dụng các căn cứ này thông thường do pháp luật từng nước quy định. Nhìn chung, pháp luật Việt Nam cũng như của EU và các quốc gia nghiên cứu thường chia các căn cứ xác định thẩm quyền thành: thẩm quyền chung và thẩm quyền riêng biệt. Theo đó:

*Thứ tư*, phán quyết của tòa án Việt Nam chỉ được đảm bảo thi hành trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Việc thi hành phán quyết này trên lãnh thổ của quốc gia khác lại là vấn đề phức tạp tùy thuộc vào quy định của điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên hoặc quy định trong pháp luật của quốc gia nước ngoài được yêu cầu công nhận và cho thi hành các phán quyết của tòa án Việt Nam.

*b) Luật áp dụng theo sự lựa chọn của các bên*

Pháp luật áp dụng để giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bao gồm hai loại là luật tố tụng (luật hình thức) và luật nội dung.

Khi tòa án Việt Nam giải quyết các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, về nguyên tắc, tòa án Việt Nam sẽ áp dụng pháp luật tố tụng của nước

mình *thelex fori*. Chỉ trong trường hợp đặc biệt được quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, tòa án có thể áp dụng pháp luật tố tụng của nước ngoài. Ví dụ như quy định tại khoản 1 Điều 7 Hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và Liên bang Nga; khoản 1 Điều 7 Hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và Lào... cho phép tòa án của quốc gia này áp dụng luật tố tụng của quốc gia ký kết còn lại trong các vấn đề về uỷ thác tư pháp, theo đề nghị của các bên yêu cầu, nếu việc áp dụng này không trái pháp luật tố tụng của quốc gia mình.

### **1.2.2. Nội dung pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án**

#### **1.2.2.1. Nhóm quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án**

Thẩm quyền của tòa án, theo BLTTDS 2015, được phân chia thành hai loại thẩm quyền: thẩm quyền chung (Điều 469) và thẩm quyền riêng biệt (Điều 470). Dưới góc độ của tư pháp quốc tế, thẩm quyền chung của tòa án có thể mang tính “trùng lặp” với thẩm quyền của tòa án một quốc gia khác khi tiến hành giải quyết tranh chấp DS có yếu tố nước ngoài. Trường hợp có sự “trùng lặp” thẩm quyền thì việc xác định thẩm quyền giải quyết phụ thuộc vào việc nộp đơn của đương sự và các mối liên hệ của vụ việc đối với lãnh thổ hay luật áp dụng cho vụ việc đó. Trong khi đó, thẩm quyền riêng biệt của tòa án là thẩm quyền đối với các tranh chấp chỉ thuộc về tòa án của Việt Nam, không một tòa án của nước ngoài nào được giải quyết. Trong trường hợp này, nếu việc khởi kiện được tiến hành tại tòa án nước ngoài thì các phán quyết được tuyên bởi tòa án nước ngoài đó sẽ không được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam.

#### **1.2.2.2. Nhóm quy định về luật áp dụng trong giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế**

Về luật nội dung, thực chất là các quy phạm pháp luật được tòa án Việt Nam áp dụng để giải quyết nội dung vấn đề mà các bên đang tranh chấp. Luật được áp dụng để giải quyết nội dung tranh chấp có thể là pháp luật của Việt Nam nếu các bên trong tranh chấp thỏa thuận, hoặc có thể là pháp luật của nước đối tác, nước thứ ba do các bên thống nhất lựa chọn hoặc cũng có thể là điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, ví dụ như quy định của CISG.

#### **1.2.2.3. Nhóm quy định về trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án**

Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tuân thủ theo quy định về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự không được quy định tập trung vào một điều luật cụ thể và điều mà tác giả cung cấp dưới đây là sự tổng kết từ các quy định. Nhìn chung, nếu thẩm quyền xét xử thuộc về tòa án Việt Nam, thì trình tự thủ tục giải quyết vụ việc dân sự được thực hiện như một vụ án dân sự, việc dân sự thông thường, Theo quy định tại



Điều 464 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Chương XXXVIII Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trường hợp Chương này không quy định thì áp dụng các quy định khác liên quan của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như quy định về thủ tục khởi kiện và thụ lí, lập hồ sơ, hoà giải, xét xử sơ thẩm, thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm ... của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết.

### **1.3. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án**

#### ***1.3.1. Nguyên tắc bảo vệ chủ quyền quốc gia và lợi ích quốc gia***

Chủ quyền quốc gia là thuộc tính chính trị - pháp lý gắn liền với mỗi quốc gia độc lập trong chính sách đối ngoại và tối cao trong chính sách đối nội trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia mình, bao gồm quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp của quốc gia mình thông qua các quyết định về mọi vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội mà không có một quốc gia nào có thể can thiệp. Lợi ích quốc gia là mục tiêu cơ bản và nhân tố quyết định cuối cùng trong việc hoạch định chính sách đối ngoại. Có thể nói, lợi ích quốc gia là vấn đề có ý nghĩa “sống còn” với mỗi quốc gia, là yếu tố hàng đầu cần phải được cân nhắc trong quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của một quốc gia. Việc xác định đúng đắn lợi ích quốc gia và kết hợp hài hòa giữa lợi ích quốc gia với lợi ích quốc tế, với lợi ích chính đáng của các đối tác, từ đó tìm mẫu số chung để hợp tác tốt nhất, đưa đất nước hội nhập sâu, toàn diện vào khu vực và thế giới được cho là điều cần thiết cho mỗi một quốc gia độc lập trong quá trình hội nhập quốc tế. Cho dù tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là loại hình tranh chấp liên quan đến hoạt động kinh doanh thương mại của các thương nhân trong đó có sự gắn kết với yếu tố nước ngoài, tuy nhiên, xuất phát chủ quyền quốc gia trong tư pháp quốc tế, khi giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, tòa án Việt Nam phải tuân theo các nguyên tắc nhất định, trong đó tiêu biểu là các nguyên tắc sau: i) Nguyên tắc bảo vệ chủ quyền quốc gia và lợi ích quốc gia; ii) Nguyên tắc ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; iii) Nguyên tắc tôn trọng sự thỏa thuận, quyền và lợi ích chính đáng của các bên tranh chấp.

#### ***1.3.2. Nguyên tắc ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên***

Nguyên tắc này được thể hiện thông qua quy định về nghĩa vụ tận tâm, thiện chí thực hiện các cam kết quốc tế (tại Điều 26) và mối tương quan giữa pháp luật trong nước với việc tôn trọng các điều ước quốc tế tại Điều 27 Công ước Viên về Luật điều ước quốc tế 1969. Theo đó, mỗi quốc gia thành viên của các điều ước quốc tế nói chung và các điều ước quốc tế quy định về xác định thẩm quyền của tòa án và pháp luật áp dụng cho việc giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng phải có nghĩa vụ thực hiện một cách tận tâm, thiện chí và đầy đủ các cam kết quốc tế của mình. Các quốc gia thành

viên không được viện dẫn các quy định của pháp luật trong nước như là nguyên nhân để từ chối thực hiện nghĩa vụ của mình.

### **1.3.3. Nguyên tắc tôn trọng sự thỏa thuận, quyền và lợi ích chính đáng của các bên tranh chấp**

Trong hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án cũng như của EU và một số nước nghiên cứu, nguyên tắc này lại càng được đề cao vì tính “thương mại” và “kinh doanh” của các tranh chấp. Nguyên tắc này cho phép các bên được quyền tự thỏa thuận về thẩm quyền của tòa án có thẩm quyền cũng như pháp luật áp dụng cho việc giải quyết tranh chấp đó. Trong pháp luật Việt Nam, nội dung nguyên tắc này được thể hiện rõ trong các quy định có liên quan đến vấn đề thỏa thuận lựa chọn tòa án tại khoản 1 Điều 470 BLTTDS 2015; khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 339 Bộ luật Hàng hải 2015; khoản 4 Điều 14 Luật Đầu tư 2014 hoặc các quy định có liên quan đến vấn đề tôn trọng quyền tự do lựa chọn pháp luật áp dụng tại Khoản 1 Điều 683 BLDS 2015; khoản 2 Điều 5 Luật Thương mại 2005; khoản 2 Điều 5 Bộ luật Hàng hải 2015...

## **Tiểu kết chương 1**

Hiện nay dưới sự tác động mạnh mẽ của các xu hướng vận động của nền kinh tế thế giới, đặc biệt là sự tác động ngày càng tăng của tiến trình toàn cầu hóa, hoạt động giao dịch hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế thực sự đã phát triển mạnh và lan tỏa trên phạm vi toàn cầu.

Chương 1 Luận văn nghiên cứu lý luận về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án; khái quát pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án. Từ việc nghiên cứu lý luận pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tạo tiền đề để ở Chương 2 Luận văn phân tích các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ BẰNG TÒA ÁN TẠI VIỆT NAM**

#### **2.1. Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam**

##### **2.1.1. Quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam**

###### **2.1.1.1. Thẩm quyền chung giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam**

Với các tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, theo khoản 1 Điều 469 BLTTDS 2015, tòa án sẽ có thẩm quyền chung trong 04 trường hợp cụ thể: Bị đơn là cá nhân; Bị đơn là doanh nghiệp; Bị đơn có tài sản

trên lãnh thổ Việt Nam; và các trường hợp liên quan đến sự kiện pháp lý và đối tượng của hợp đồng. Mặc dù chủ thể của các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế thường là các doanh nghiệp, tuy nhiên, trong nhiều tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, việc các cá nhân nước ngoài tham gia cũng tương đối phổ biến. ... Đối với những tranh chấp trong đó bị đơn là người nước ngoài, tòa án sẽ có thẩm quyền khi cá nhân đó có nơi cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài tại Việt Nam. Theo đó, bị đơn bị khởi kiện không chỉ bao gồm người nước ngoài mà còn có thể là người Việt Nam.

*Trường hợp bị đơn là doanh nghiệp*, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 469 BLTTDS 2015, tòa án có thẩm quyền nếu trong tranh chấp đó bị đơn là “cơ quan, tổ chức có trụ sở tại Việt Nam hoặc bị đơn là cơ quan, tổ chức có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam đối với các vụ việc liên quan đến hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan, tổ chức đó tại Việt Nam”. Như vậy, điều khoản này mở rộng cho cả các trường hợp có bị đơn là cơ quan, tổ chức nước ngoài, lẫn cơ quan, tổ chức của Việt Nam. Cũng lưu ý rằng, cơ quan, tổ chức nước ngoài trong lĩnh vực hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế được hiểu là các doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp nước ngoài, được thành lập ở nước ngoài theo pháp luật nước ngoài. Theo quy định trên, có hai trường hợp các doanh nghiệp có thể tham gia vào hoạt động tố tụng với tư cách bị đơn: doanh nghiệp có trụ sở tại Việt Nam hoặc có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam. Tuy nhiên, với tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế phát sinh từ hợp đồng, cơ sở pháp lý để tòa án Việt Nam thụ lý thường chỉ liên quan đến căn cứ bị đơn là doanh nghiệp nước ngoài có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam<sup>1</sup>.

*2.1.1.2. Thẩm quyền riêng biệt của Tòa án đối với giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án*

*Thứ nhất, thẩm quyền theo sự thoả thuận lựa chọn của các bên.* Theo khoản 1 Điều 470 BLTTDS 2015, các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế sẽ thuộc thẩm quyền riêng biệt của tòa án Việt Nam trong trường hợp: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế khác mà các bên được quyền lựa chọn tòa án Việt Nam để giải quyết theo pháp luật Việt Nam hoặc theo điều ước quốc tế mà CHXHCN Việt Nam là thành viên và các bên đồng ý lựa chọn tòa án Việt Nam. Hệ quả của các quy định về thẩm quyền riêng biệt là sẽ làm cho các phán quyết của tòa án nước ngoài liên quan đến việc giải quyết các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế của các bên sẽ không được công nhận và cho thi hành trên lãnh thổ Việt Nam theo Điều 439 và 440 BLTTDS 2015. Như vậy, với việc đề cao quyền tự định đoạt của các bên trong tranh chấp, BLTTDS 2015 đã chính thức ghi nhận quyền thoả thuận lựa chọn tòa án giữa các bên tại điểm c khoản 1 Điều 470 BLTTDS 2015, theo đó, tòa án Việt Nam sẽ có thẩm quyền riêng biệt đối với các tranh chấp mà các bên được lựa chọn tòa án Việt Nam để giải quyết theo pháp luật Việt Nam hoặc

---

<sup>1</sup> Nguyễn Trung Tín (2015), “Thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài”, *Tạp chí Luật học*, Đặc san về góp ý Dự thảo BLTTDS 2015.

điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Nói cách khác, thoả thuận lựa chọn tòa án để giải quyết tranh chấp giữa các bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế được xem là căn cứ xác định thẩm quyền riêng biệt cho tòa án Việt Nam nếu các tranh chấp đó thuộc các trường hợp được phép thoả thuận<sup>2</sup>.

### **2.1.2. Quy định về luật áp dụng giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam**

#### *2.1.2.1. Pháp luật áp dụng theo sự thoả thuận lựa chọn của các bên*

##### *a) Nguyên tắc xác định pháp luật áp dụng*

Xuất phát từ nguyên tắc tự do hợp đồng và quyền tự định đoạt của các bên, khoản 1 Điều 9 BLDS 2015 quy định: “*Các bên trong quan hệ hợp đồng được thoả thuận lựa chọn pháp luật áp dụng đối với hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này...*”<sup>226</sup>. Về bản chất, quy định này đã luật hóa quyền tự do lựa chọn pháp luật áp dụng của các chủ thể trong quan hệ hợp đồng. Ngoài ra, trong một số luật chuyên ngành điều chỉnh quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế cũng quy định về quyền thoả thuận lựa chọn pháp luật áp dụng, như: Luật Thương mại 2005; Luật Đầu tư 2014, Bộ luật Hàng hải 2015; Luật Hàng không dân dụng 2006 (sửa đổi bổ sung năm 2014)... Ngoài ra, quyền lựa chọn pháp luật áp dụng cũng được quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên như Điều 6, Điều 9 của CISG; khoản 1 Điều 36 hợp đồng TTTP giữa Việt Nam và Liên bang Nga ...

Như vậy, có thể thấy rằng, nguyên tắc đầu tiên, quan trọng trong việc xác định pháp luật áp dụng để giải quyết tranh chấp từ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là dựa trên sự tự do lựa chọn của các bên tranh chấp. Việc ghi nhận nguyên tắc này đã thể hiện sự tôn trọng quyền tự định đoạt của các bên dựa trên nguyên tắc tự do ý chí trong quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Một khi các bên tranh chấp trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế đã có sự thoả thuận lựa chọn pháp luật áp dụng thì khi tranh chấp phát sinh tòa án phải chấp nhận sự thoả thuận và phải tuân thủ nó, tức là phải chịu sự ràng buộc của thoả thuận đó. Việc tòa án không áp dụng luật do các bên thoả thuận lựa chọn có thể sẽ dẫn đến hệ quả là phán quyết của tòa án sẽ không được các bên tuân thủ và trong kinh doanh thương mại quốc tế, hệ quả sẽ nặng hơn là phán quyết của tòa án sẽ không được cho thi hành cưỡng chế tại nước thực thi phán quyết.

Khoản 4, 5 và 6 Điều 683 BLDS 2015 quy định như sau:

*“4. Trường hợp hợp đồng có đối tượng là bất động sản thì pháp luật áp dụng đối với việc chuyển giao quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản là bất động sản, thuê bất động sản hoặc việc sử dụng bất động sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ là pháp luật của nước nơi có bất động sản.*

*Trường hợp pháp luật do các bên lựa chọn trong hợp đồng lao động, hợp đồng tiêu dùng có ảnh hưởng đến quyền lợi tối thiểu của người lao động, người*

---

<sup>2</sup> Ngô Quốc Chiến (2015), “Thẩm quyền Tòa án Việt Nam xét xử vụ việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có yếu tố nước ngoài”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 7.

*tiêu dùng theo quy định của pháp luật Việt Nam thì pháp luật Việt Nam được áp dụng.*

*Các bên có thể thoả thuận thay đổi pháp luật áp dụng đối với hợp đồng nhưng việc thay đổi đó không được ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba được hưởng trước khi thay đổi pháp luật áp dụng, trừ trường hợp người thứ ba đồng ý”.*

*b) Phạm vi áp dụng và những trường hợp loại trừ sự thoả thuận*

Theo quy định tại Điều 769 BLDS 2005 các bên chỉ được quyền lựa chọn luật nhằm điều chỉnh vấn đề quyền và nghĩa vụ của các bên. Điều này có thể dẫn đến cách hiểu là việc chọn luật sẽ được phép trong tất cả các vấn đề có liên quan đến hợp đồng, bao gồm các vấn đề về quyền và nghĩa vụ, hình thức hợp đồng và kể cả vấn đề giao kết hợp đồng. Để loại bỏ sự không thống nhất này, BLDS 2015 đã có quy định theo hướng mở rộng tương tự như các văn bản pháp luật chuyên ngành nhằm tạo sự linh hoạt cho các bên tranh chấp: Khoản 1 Điều 683 BLDS 2015 quy định theo hướng trao cho các bên tranh chấp được quyền thoả thuận lựa chọn pháp luật áp dụng, không chỉ điều chỉnh các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng mà còn điều chỉnh các vấn đề khác như vấn đề giao kết hợp đồng, hình thức hợp đồng... Như vậy, nguồn luật được các bên lựa chọn hợp pháp sẽ được áp dụng để điều chỉnh đối với toàn bộ các vấn đề liên quan đến hợp đồng, như vấn đề giao kết hợp đồng, hình thức hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

*c) Điều kiện có hiệu lực của thoả thuận lựa chọn pháp luật áp dụng*

Điều kiện hiệu lực về chủ thể của thoả thuận lựa chọn pháp luật áp dụng được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 117 BLDS 2015, theo đó chủ thể phải có năng lực pháp luật DS, năng lực hành vi DS phù hợp với giao dịch DS được xác lập. Giao dịch DS được xác lập trong trường hợp này là hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Các hợp đồng kinh doanh thương mại chịu sự điều chỉnh của Luật Thương mại 2005, theo đó, chủ thể của các giao dịch này là thương nhân. Điều 6 khoản 1 Luật Thương mại 2005 quy định “*thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động TM một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh*”. Như vậy, theo quy định của pháp luật Việt Nam, để thoả thuận lựa chọn pháp luật áp dụng cho quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có hiệu lực pháp lý thì các bên tham gia thoả thuận phải có năng lực pháp luật DS, năng lực hành vi DS và đáp ứng yêu cầu về thương nhân<sup>3</sup>.

*d) Điều kiện áp dụng pháp luật được các bên thoả thuận lựa chọn*

Điều kiện quan trọng để áp dụng đối với pháp luật được các bên thoả thuận lựa chọn là nội dung của nó không được xâm hại đến trật tự công, đến các vấn đề về chủ quyền, an ninh, quốc phòng... của quốc gia có tòa án áp dụng.

*“Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc luật Việt Nam có quy định các bên có quyền lựa chọn thì pháp*

<sup>3</sup> Nguyễn Trung Tín (2015), “Thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài”, *Tạp chí Luật học*, Đặc san về góp ý Dự thảo BLTTDS 2015

*luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài được xác định theo lựa chọn của các bên*”. Điều a, khoản 1 Điều 670 BLDS 2015 cũng quy định rằng nếu hậu quả của việc áp dụng pháp luật nước ngoài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam thì pháp luật nước ngoài đó sẽ không được áp dụng. Ngoài ra, Điều 5 Luật Thương mại 2005 nhấn mạnh rằng “*các bên trong giao dịch thương mại có yếu tố nước ngoài được thoả thuận áp dụng pháp luật nước ngoài, tập quán thương mại quốc tế nếu pháp luật nước ngoài, tập quán thương mại quốc tế đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam*”.

#### *2.1.2.2. Pháp luật áp dụng trong trường hợp không có thoả thuận chọn luật*

Nếu trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế các bên không thoả thuận lựa chọn pháp luật áp dụng hoặc việc thoả thuận lựa chọn là không hợp pháp, theo quy định của khoản 1 Điều 683 BLDS 2015, thì pháp luật áp dụng để giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là *pháp luật của nước có mối liên hệ gần bó nhất* với hợp đồng đó. Quy định này được ra đời để thay thế cho quy định mang tính “đơn điệu”, đôi khi mang tính không hợp lý khi chỉ dựa trên một tiêu chí duy nhất nhằm xác định pháp luật áp dụng cho quan hệ hợp đồng là nơi thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, khoản 2 Điều 683 BLDS 2015 đã liệt kê các trường hợp được xem là có mối liên hệ gần bó nhất với hợp đồng, theo đó, việc xác định pháp luật có mối liên hệ gần bó nhất trong quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế cụ thể sẽ được xác định như sau:

*(i). Pháp luật của nước nơi người bán cư trú nếu là cá nhân hoặc nơi thành lập nếu là pháp nhân đối với hợp đồng mua bán hàng hóa.*

*(ii). Pháp luật của nước nơi người cung cấp dịch vụ cư trú nếu là cá nhân hoặc nơi thành lập nếu là pháp nhân đối với hợp đồng dịch vụ.*

*(iii). Pháp luật của nước nơi người nhận quyền cư trú nếu là cá nhân hoặc nơi thành lập nếu là pháp nhân đối với hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng hoặc chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ.*

#### **2.1.3. Quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam**

Khi đã xác định được thẩm quyền xét xử thuộc về Tòa án Việt Nam, thì trình tự thủ tục giải quyết một vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài được thực hiện như một vụ việc dân sự thông thường, theo quy định về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự và việc dân sự được ghi nhận trong Bộ luật tố tụng dân sự. Trước hết, mỗi quan hệ giữa Tòa án và đương sự phát sinh dựa trên sự kiện khởi kiện và thụ lý, tức là phải có đơn khởi kiện của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Quá trình xem xét đơn sẽ có phần phức tạp hơn và Tòa án phải trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu hoặc đình chỉ giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong trường hợp đã có thoả thuận trọng tài, thoả thuận lựa chọn Tòa án nước ngoài hoặc đã có Tòa án nước ngoài, Trọng tài hoặc cơ quan khác có thẩm quyền của nước ngoài giải quyết hoặc đương sự được hưởng quyền miễn trừ tư pháp. Bên cạnh đó, Tòa án cũng phải thực hiện việc yêu cầu cung cấp thông tin

về nhân thân, xác định địa chỉ của đương sự ở nước ngoài. Khi thụ lý, Tòa án phải thực hiện thông báo, đồng thời thông báo về ngày mở phiên tòa, phiên họp, các hoạt động về thu thập chứng cứ, tổng đạt giấy tờ là các hoạt động cần thiết trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự được quy định tại Điều 474, Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự, đây sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để cơ quan nhà nước thực hiện các hoạt động tương trợ tư pháp hiệu quả.

Theo Điều 465 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam có quyền khởi kiện đến tòa án Việt Nam để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi bị xâm phạm hoặc có tranh chấp. Chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam của cơ quan, tổ chức nước ngoài theo uỷ quyền có quyền khởi kiện đến tòa án Việt Nam để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức nước ngoài uỷ quyền bị xâm phạm hoặc có tranh chấp. Theo Điều 465 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài chỉ có quyền khởi kiện vụ án dân sự tại tòa án Việt Nam nhưng theo chúng tôi họ còn phải có quyền yêu cầu giải quyết việc dân sự. Việc bảo đảm quyền khởi kiện vụ án dân sự, quyền yêu cầu giải quyết việc dân sự của cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài tạo điều kiện thuận lợi cho các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài phát triển khi chúng ta đang trong quá trình hội nhập quốc tế. Khi tham gia tố tụng dân sự, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam của cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam, Nhà nước nước ngoài có quyền, nghĩa vụ tố tụng như công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam. Tuy nhiên, Nhà nước Việt Nam có thể áp dụng nguyên tắc có đi có lại để hạn chế quyền tố tụng dân sự tương ứng của người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam của cơ quan, tổ chức nước ngoài mà tòa án của nước đó đã hạn chế quyền tố tụng dân sự đối với công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam, chi nhánh, văn phòng đại diện tại nước ngoài của cơ quan, tổ chức Việt Nam. Nguyên tắc này xuất phát từ chủ quyền quốc gia nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, công dân, pháp nhân Việt Nam.

Người khởi kiện, người yêu cầu tòa án giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài phải làm đơn gửi đến tòa án có thẩm quyền. Đơn khởi kiện phải có các nội dung theo quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đơn yêu cầu phải có các nội dung theo quy định tại Điều 362 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Người khởi kiện, người yêu cầu phải gửi kèm theo đơn khởi kiện, đơn yêu cầu chứng cứ, tài liệu chứng minh cho yêu cầu của mình. Tòa án thụ lý vụ việc dân sự hay trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu theo các quy định tại Chương XII, Chương XXIII Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngoài các trường hợp trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu hoặc đình chỉ giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài được quy định tại các chương này, tòa án Việt Nam còn trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu trong những trường hợp quy định tại Điều 472 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nếu sau khi thụ lý, mà phát hiện có các căn cứ quy

định tại Điều 472 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tòa án sẽ ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ việc dân sự.

#### **2.1.4. Đánh giá pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam**

*Thứ nhất, về thẩm quyền giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án, việc mở rộng như trên là hợp lý.* Sự hợp lý thể hiện ở chỗ quy định này đã giải quyết được những tranh luận trong giới nghiên cứu khi thực tế trước đây cho thấy đã có những tranh luận khác nhau về vấn đề xác định thẩm quyền của tòa án đối với trường hợp người nước ngoài là nguyên đơn. Có quan điểm cho rằng tòa án vẫn có thẩm quyền đối với các tranh chấp mà nguyên đơn là người nước ngoài khi dựa trên cơ sở quy định tại Chương III theo sự quy dẫn của khoản 1 Điều 410 BLTTDS 2004. Nhưng cũng có quan điểm cho rằng tòa án chỉ có thẩm quyền dựa trên căn cứ quy định tại Chương XXXV của BLTTDS 2004, chỉ khi nào xác định có thẩm quyền hay không thì mới quy dẫn đến chương III để xác định tòa án cụ thể.

*Thứ hai, về thỏa thuận lựa chọn tòa án trong giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.* Trong BLTTDS 2004 không quy định quyền thỏa thuận lựa chọn tòa án, trong khi Bộ luật Hàng hải 2005<sup>145</sup> và Luật Đầu tư 2005 lại có quy định quyền thỏa thuận lựa chọn tòa án (tòa án nước ngoài). Do đó, quy định này trong BLTTDS 2015 đã loại bỏ sự không thống nhất giữa BLTTDS và các luật chuyên ngành về vấn đề thỏa thuận lựa chọn tòa án. Tuy nhiên, trong thực tế quy định này chỉ mang tính hình thức trong việc thừa nhận quyền thỏa thuận lựa chọn tòa án và gián tiếp ghi nhận nguyên tắc xác định thẩm quyền của tòa án dựa trên sự thỏa thuận giữa các bên. Điều này thể hiện ở 04 điểm dưới đây:

### **2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam**

#### **2.2.1. Tình hình giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam**

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã có nhiều bước tiến trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Theo Báo cáo cạnh tranh toàn cầu mới nhất do Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) công bố, Việt Nam có nhiều cải thiện rõ rệt nhất trong số 141 nền kinh tế, tăng 10 bậc để xếp hạng thứ 67 về năng lực cạnh tranh.

Theo đuổi thành công chính sách hội nhập kinh tế toàn cầu, Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới WTO năm 2007 và tham gia ký kết các hiệp định thương mại tự do với nhiều quốc gia, trong đó có hai hiệp định lớn là Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) và Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Đây là điều kiện cần để Việt Nam xóa bỏ rào cản, thúc đẩy hợp tác mua bán hàng hóa quốc tế, tăng cường hợp tác kinh tế với các quốc gia trên thế giới.

Trong bối cảnh mới này, tranh chấp kinh doanh và mua bán hàng hóa quốc tế đã và đang trở nên đa dạng và phức tạp hơn. Để có cơ sở pháp lý để giải quyết



các tranh chấp mua bán hàng hóa quốc tế, Việt Nam đã tham gia một số Công ước của Liên hợp quốc liên quan đến mua bán hàng hóa quốc tế. Chẳng hạn như năm 1995, Việt Nam phê chuẩn Công ước New York năm 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài; năm 2015, Việt Nam tham gia Công ước Liên hợp quốc về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế(CISG).

Sau khi gia nhập các văn kiện quốc tế này, Việt Nam đã sửa đổi các luật quan trọng, như Luật Thương mại, Bộ luật Dân sự và Bộ luật Tố tụng dân sự để nội luật hóa các tiêu chuẩn quốc tế vào luật pháp quốc gia. Tuy nhiên, theo số liệu thống kê của Tòa án Nhân dân Tối cao, tình hình thụ lý giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài trong 5 năm (2014-2018) dao động ở mức thấp, từ 80-151 vụ. Các tranh chấp này thường tập trung ở Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, tỉnh Bình Dương. Cũng theo báo cáo này, trong 5 năm 2014-2018, chỉ có 28 yêu cầu công nhận phán quyết của trọng tài nước ngoài được giải quyết so với tổng số 45 yêu cầu được tiếp nhận<sup>4</sup>.

### ***2.2.2. Một số vướng mắc, tồn tại trong việc giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam***

*Thứ nhất*, do thói quen trong thời gian dài sử dụng Tòa án như là cơ quan duy nhất có khả năng giải quyết tranh chấp một cách chính thức và các phán quyết được bảo đảm thi hành bằng cưỡng chế nhà nước. Trong khi đó, giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài trong một thời gian dài trước khi thành lập Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam năm 1994, cùng với việc Việt Nam gia nhập Công ước New York năm 1958 về công nhận và cho thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài vào năm 1995 còn rất nhiều bất cập.

*Thứ hai*, việc giải quyết tranh chấp thương mại bằng Tòa án có thể tiến hành ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước thông qua Tòa án cấp huyện hoặc Tòa án cấp tỉnh. Trong khi đó, mạng lưới giải quyết tranh chấp thương mại của Trọng tài còn thưa thớt, chủ yếu tập trung tại các thành phố lớn như: Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên thì giải quyết tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài bằng Tòa án cũng có những hạn chế nhất định như thủ tục tố tụng tư pháp thường thông qua nhiều cấp xét xử làm cho thời gian giải quyết tranh chấp rất dài. Đây là điều mà các bên tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, thương mại rất e ngại. Bởi điều đó rất có thể dẫn đến ở các cơ hội kinh doanh của các bên. Bên cạnh đó việc giải quyết tranh chấp bằng Tòa án với nguyên tắc là xét xử công khai tiềm ẩn nhiều khả năng làm lộ bí mật kinh doanh. Vì vậy khi đề cập đến việc lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp, nhiều nhà kinh doanh, thương nhân rất do dự, bởi bí mật kinh doanh đôi khi quyết định sự thành công trong thương trường của họ. Thêm vào đó thì nhiều nhà kinh doanh, thương nhân nước ngoài chưa thực sự tin tưởng vào hệ thống xét xử của Tòa án Việt Nam, vào sự trong sạch của hệ thống tư pháp nói chung.

## **Tiểu kết chương 2**

---

<sup>4</sup>Trao đổi kinh nghiệm về giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế <<https://www.vietnamplus.vn/trao-doi-kinh-nghiem-ve-giai-quet-tranh-chap-thuong-mai-quoc-te/603551.vnp>> truy cập ngày 22/4/2023

Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án ở Việt Nam nhìn chung đã có rất nhiều điểm tiến bộ, tương thích với pháp luật của các các tổ chức quốc tế cũng như các quốc gia trên thế giới. Chương 2 Luận văn phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án, từ đó đưa ra một số tồn tại, vướng mắc trong việc thực thi pháp luật ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, Chương 2 Luận văn làm tiền đề cho những đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam.

### **CHƯƠNG 3**

## **ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ BẰNG TÒA ÁN TẠI VIỆT NAM**

### **3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án ở Việt Nam**

#### ***3.1.1. Thế chế hóa các quan điểm của Đảng về hoàn thiện pháp luật mua bán hàng hóa trong thời kỳ hội nhập quốc tế***

Hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài phải trên cơ sở các quy định của Hiến pháp làm nền tảng và thực hiện đồng bộ với quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung như là các văn bản luật về thương mại, hàng hải, vận tải, tài chính, tín dụng, ngân hàng... cũng như văn bản luật tố tụng đặc biệt là phần quy định về giải quyết các tranh chấp dân sự, mua bán hàng hóa. Các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại phù hợp với những quy tắc, luật lệ của WTO cũng như các điều ước quốc tế Việt Nam ký kết hoặc gia nhập. Luật thương mại 2005 sửa đổi khắc phục được khá nhiều những bất cập không phù hợp với thông lệ quốc tế trong Luật thương mại năm 1997, như quan niệm về thương mại và hàng hoá, quan niệm về thương nhân... Các văn bản pháp luật trái với quy định trong các Hiệp định của WTO phải được bãi bỏ như các quy định về trợ cấp nông nghiệp, dệt may... Cần phải rà soát, phát hiện các văn bản lỗi thời, không phù hợp với tình hình hiện tại hoặc mâu thuẫn với các văn bản pháp luật ban hành sau đồng thời sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản pháp luật trong những lĩnh vực thương mại mà pháp luật còn thiếu như về công nghệ thông tin, cạnh tranh, sở hữu trí tuệ... Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng bằng phương thức trọng tài thương mại, hòa giải thương mại theo hướng thống nhất, đồng bộ, khả thi, chi phí tuân thủ pháp luật thấp, góp phần giảm thiểu các tranh chấp hợp đồng và nâng xếp hạng chỉ số giải quyết tranh chấp hợp đồng, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa,

nâng cao chỉ số cạnh tranh quốc gia, xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi ở Việt Nam<sup>5</sup>.

### **3.1.2. Thống nhất các quy định của pháp luật trong nước phù hợp với pháp luật quốc tế về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án**

Pháp luật Việt Nam quy định về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế phải tiến đến những điểm chung so với pháp luật các nước về giải quyết loại tranh chấp này, đảm bảo cho lợi ích của các bên trong tranh chấp tham gia giải quyết luôn được bảo vệ. Chính vì vậy, Việt Nam cần tham gia các Điều ước quốc tế liên quan đến cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài như Công ước Roma 1980 về luật áp dụng đối với nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng, Công ước La Hay ngày 15/11/1965 về Tổng đặt ở nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp liên quan đến dân sự và thương mại.

Nghiên cứu, khảo sát kinh nghiệm quốc tế về giải pháp hoàn thiện khung pháp luật hợp đồng, đảm bảo tính thống nhất đồng bộ trong mối quan hệ luật chung, luật riêng; hoàn thiện phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng bằng trọng tài thương mại, hòa giải thương mại và biện pháp đảm bảo hiệu quả việc triển khai thi hành pháp luật liên quan; Rà soát, đánh giá tính tương thích của pháp luật Việt Nam về hợp đồng, giải quyết tranh chấp hợp đồng với các điều ước quốc tế về hợp đồng, giải quyết tranh chấp hợp đồng mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và luật mẫu, tập quán quốc tế phổ biến có liên quan; Nghiên cứu, đánh giá khả năng gia nhập Công ước Liên hợp quốc về Thỏa thuận giải quyết tranh chấp quốc tế đạt được thông qua hòa giải (Công ước Singapore về Hòa giải) và các giải pháp thực thi Công ước.

### **3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án ở Việt Nam**

*Thứ nhất*, tích cực tham gia điều ước quốc tế. Việt Nam đang trên con đường hội nhập một cách chủ động và tích cực vào nền kinh tế thế giới, đẩy mạnh các hoạt động mua bán hàng hóa. Trong quá trình tiến hành trao đổi hàng hóa với các đối tác nước ngoài, việc áp dụng các văn bản luật quốc gia sẽ gây nhiều khó khăn, bất lợi, làm phát sinh những xung đột pháp luật với các nước khác và khi giải quyết tranh chấp cũng khó khăn. Khi gia nhập Công ước quốc tế, Việt Nam sẽ thống nhất nguồn luật áp dụng trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế với các nước đối tác khi ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

*Thứ hai*, hoàn thiện pháp luật theo hướng đồng bộ giữa pháp luật nội dung và pháp luật tố tụng. Pháp luật tố tụng được các cơ quan giải quyết tranh chấp áp dụng khi giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các quan hệ pháp luật nội dung.

*Thứ ba*, hoàn thiện quy định về thời hiệu khởi kiện. Thời hiệu khởi kiện là khoảng thời gian mà pháp luật thừa nhận để các bên tranh chấp có quyền gửi yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu trong khoảng thời gian đó một trong các bên

---

<sup>5</sup> Lê Thị Nam Giang và một số tác giả (2017), *Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống pháp luật Tư pháp quốc tế ở VN*, Công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Trường Đại học Luật Tp.HCM, tr.89.

tranh chấp không yêu cầu thì khi hết thời gian này, các bên sẽ mất quyền khởi kiện.

*Thứ tư*, vấn đề ủy thác tư pháp trong giải quyết các tranh chấp mua bán hàng hóa. Thực tế cho thấy việc ủy thác tư pháp trong giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài phải ủy thác tư pháp rất nhiều. Chính vì vậy cần phải có quy định hướng dẫn cụ thể hơn về vấn đề này, các quy định liên quan đến sự hợp tác của các cơ quan hữu quan để đảm bảo việc thu thập chứng cứ hồ sơ phục vụ công tác xét xử được đảm bảo đúng đắn, đúng sự thật khách quan. Quy định hiện hành chỉ Tòa án cấp tỉnh thực hiện ủy thác tư pháp, Tòa án cấp huyện không có thẩm quyền thụ lý vụ án kinh doanh, thương mại khi phải ủy thác tư pháp.

*Thứ năm*, hoàn thiện cơ chế Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân trong giải quyết các tranh chấp kinh doanh mua bán hàng hóa. Trong hoạt động của Tòa án, vai trò của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân mang tính quyết định. Bởi đó là những người nhân danh quyền lực nhà nước làm trọng tài phán xử về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tranh chấp.

*Thứ sáu*, sửa đổi quy định về thẩm quyền của tòa án trong giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Tiêu chí “*làm ăn, sinh sống*” rất khó xác định trên thực tế. Khái niệm này, mặc dù được ra đời từ năm 2004 trong BLTTDS 2004, nhưng cho đến thời điểm hiện nay vẫn chưa có bất kỳ cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào giải thích về nội hàm của nó<sup>128</sup>. Hơn nữa, việc quy định như thế là quá rộng, khiến cho việc giải quyết tranh chấp của tòa án có thể gặp khó khăn, đặc biệt trong trường hợp việc “*làm ăn*”, “*sinh sống*” của người nước ngoài có sự kết nối rất ít hoặc thậm chí không có sự kết nối với tranh chấp hợp đồng. Ngoài ra, khái niệm “*làm ăn*”, “*sinh sống*” không phải là một khái niệm pháp lý theo ba đạo luật chuyên ngành điều chỉnh về vấn đề cư trú và cư trú của người nước ngoài nêu trên.

Giữ lại tiêu chí “*lâu dài*” là bởi vì theo Điều 31 Luật Nhập cảnh, Xuất cảnh, Quá cảnh, Cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014, có khả năng xuất hiện trường hợp người nước ngoài tạm trú tại Việt Nam trong thời gian rất ngắn là 15 ngày. Nếu thẩm quyền của tòa án phát sinh trong trường hợp này sẽ gây nên những khó khăn nhất định cho tòa án lẫn các bên khi tham gia vào hoạt động tố tụng tại Việt Nam cũng như khả năng thực thi phán quyết tại Việt Nam. Về thời gian để xác định nội hàm cho khái niệm “*lâu dài*”, nên tạo sự linh hoạt cho thẩm phán quyết định về nội dung này dựa trên tình tiết cụ thể của tranh chấp.

### **3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án ở Việt Nam**

#### **3.3.1. Xây dựng đội ngũ chuyên gia giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế**

Nhằm đáp ứng mục tiêu sớm hoàn thiện thể chế về pháp luật thương mại và hệ thống pháp luật hỗ trợ hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Điều này nhằm đảm bảo cơ chế giải quyết tranh chấp bằng

trọng tài có hiệu quả, đảm bảo các phán quyết trọng tài đã có hiệu lực pháp lý được thi hành trên thực tế. Thêm nữa, cần xây dựng, ban hành cơ chế tăng cường sự kiểm tra, giám sát việc triển khai thi hành quy định pháp luật hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giải quyết tranh chấp, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ chuyên gia; đặc biệt trong các lĩnh vực giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

### ***3.3.2. Nâng cao nhận thức, hiểu biết của thương nhân, doanh nghiệp về vai trò và lựa chọn các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án ở Việt Nam***

Phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam lúng túng, bị động khi đối mặt với giải quyết tranh chấp trong mua bán hàng hóa. Có 1560/1918 doanh nghiệp (chiếm 81,3%) đã tham gia quan hệ mua bán hàng hóa nhưng hiểu biết pháp luật mua bán hàng hóa vẫn còn hạn chế. 867 trong số 1918 doanh nghiệp này chưa sử dụng các dịch vụ pháp lý để phòng và hạn chế tranh chấp mua bán hàng hóa<sup>6</sup>. Điều này có thể giải thích vì các doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn có tâm lý xem nhẹ tìm hiểu các vấn đề pháp lý liên quan đến phía nước ngoài, không chú trọng các dịch vụ tư vấn pháp lý. Thực tế cho thấy, các doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia vào giao dịch mua bán hàng hóa thường thiếu kinh nghiệm thực tiễn giải quyết tranh chấp, thiếu hiểu biết pháp luật để giải quyết tranh chấp. Một số doanh nghiệp lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp ở nước ngoài là do đối tác yêu cầu, bản thân họ không biết gì về cơ quan, tổ chức này. Có doanh nghiệp Việt Nam có tranh chấp và tranh chấp đã được bên nước ngoài đưa ra cơ quan tài phán ở nước ngoài để giải quyết theo như đã thỏa thuận nhưng doanh nghiệp Việt Nam vẫn không hề hay biết mình đang bị kiện, không biết cơ quan nước ngoài đã ra phán quyết, khi phán quyết có hiệu lực cũng không biết. Hơn nữa, doanh nghiệp cũng gặp khó khăn trong việc tiếp cận cơ quan tài phán mà các bên đã lựa chọn như thủ tục khởi kiện, cơ quan đó có thẩm quyền giải quyết hay không... chưa kể những trường hợp mà các bên đã lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp mà pháp luật nước đó lại quy định không thuộc thẩm quyền giải quyết của họ thì doanh nghiệp Việt Nam càng lúng túng hơn.

### **Tiểu kết chương 3**

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, việc hài hòa hóa pháp luật quốc gia với chuẩn mực quốc tế chính là một trong những yếu tố quan trọng để tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động giao lưu kinh tế, thương mại, qua đó thúc đẩy hội nhập quốc tế của đất nước. Hơn thế nữa, hài hòa hóa pháp luật trong nước với pháp luật quốc tế cũng là một yếu tố cần thiết của quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền của Việt Nam. Việc hoàn thiện này, Chương 3 Luận văn đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện theo hướng đồng bộ các văn bản pháp luật,

---

<sup>6</sup>Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2017), “Thực tiễn về giải quyết tranh chấp mua bán hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam và vai trò của các thiết chế tư pháp, hỗ trợ tư pháp”, Đặc san thông tin khoa học pháp lý, (10+11).

đồng thời phải hoàn thiện theo hướng tương thích với pháp luật quốc tế. Bên cạnh đó cũng cần phải sửa đổi bổ sung một số điều liên quan trong luật chung và các luật chuyên ngành. Việc hoàn thiện theo hướng đồng bộ các văn bản pháp luật, đồng thời có các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Chương 3 Luận văn đã phân tích các định hướng hoàn thiện pháp luật và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án ở Việt Nam.

## KẾT LUẬN

Qua việc nghiên cứu đề tài “*Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam*” có thể rút ra những kết luận sau đây:

Tranh chấp mua bán hàng hóa như một hệ quả tất yếu không thể tránh khỏi trong điều kiện giao thương kinh tế quốc tế ngày càng phát triển như hiện nay. Tất nhiên các thương nhân đều không muốn xảy ra tranh chấp nhưng khi tranh chấp đến, họ vẫn phải đối mặt dù với thái độ như thế nào. Việc đa dạng về nội dung cũng như phạm vi tranh chấp khiến các thương nhân vô cùng đau đầu và khó khăn trong việc lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp đúng đắn nhất. Tiến trình hội nhập quốc tế đã mang đến cho các doanh nghiệp Việt Nam nhiều cơ hội thuận lợi để phát triển. Song bên cạnh đó, các doanh nghiệp Việt Nam cũng gặp phải không ít thách thức, đó là sự gia tăng ngày càng nhiều về số lượng và phức tạp về nội dung các tranh chấp trong hoạt động thương mại, đặc biệt là trong hoạt động mua bán hàng hóa. Khung pháp luật được xây dựng dựa trên những yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế, nhu cầu cụ thể từ thực tiễn giải quyết tranh chấp quốc tế tại Việt Nam và sự cân bằng giữa ba nhóm lợi ích cơ bản: Lợi ích của các bên tranh chấp, lợi ích quốc gia của Việt Nam và lợi ích của các quốc gia khác có liên quan trong quá trình đảm bảo sự thực thi của phán quyết từ việc giải quyết tranh chấp có yếu tố nước ngoài của tòa án Việt Nam. Nội dung của BLDS 2015, BLTTDS 2015 và các văn bản pháp luật chuyên ngành trong lĩnh vực kinh doanh thương mại có yếu tố nước ngoài đã cơ bản phản ánh được những yêu cầu và nhu cầu đó.

*Thứ nhất*, việc xây dựng nội dung lý luận về pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa bằng tòa án có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành ở Việt Nam. Luận văn đã đưa ra các khái niệm và chỉ ra các đặc điểm về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa bằng tòa án, pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa bằng tòa án.

*Thứ hai*, nội dung của pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa bằng tòa án được xác định từ các quan hệ pháp luật phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa bằng tòa án, bao gồm các qui định về thẩm quyền, luật áp dụng và trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa bằng tòa án.

*Thứ ba*, qua việc đánh giá thực trạng pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa bằng tòa án có thể thấy mặc dù pháp luật về lĩnh vực này đã từng bước được hoàn thiện nhưng đến nay vẫn còn nhiều bất cập, trước thực trạng pháp luật nêu trên, việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa bằng tòa án là một nhu cầu khách quan. Mục tiêu của việc hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa bằng tòa án là nhằm xây dựng một khung pháp luật đồng bộ, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, đảm bảo an toàn, hiệu quả. Để đạt được mục tiêu này luận văn đã đề xuất những giải pháp về hoàn thiện quy định pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa bằng tòa án tại Việt Nam.

Trong khuôn khổ luận văn, những nghiên cứu, tìm hiểu và đánh giá mà tác giả đã đưa ra mong muốn đóng góp một phần kiến thức giúp các doanh nghiệp, thương nhân có cái nhìn hiểu biết hơn về phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, đồng thời thay đổi cách nhìn của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, nắm rõ và tin tưởng thỏa thuận lựa chọn tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế ở Việt Nam.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Văn bản pháp luật

1. Quốc Hội (2015), Bộ luật Dân sự.
2. Quốc Hội (2015), Bộ luật Tố tụng Dân sự.
3. Quốc Hội (2005), Luật Thương mại.

### Tài liệu tham khảo

1. Bản án số 50/2019/kinh doanh thương mại-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân TP. Hà Nội.
2. Đỗ Văn Đại và một số tác giả (2016), *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật dân sự 2015*, NXB Hồng Đức.
3. Đỗ Văn Đại, Mai Hồng Quỳnh (2015), *Tư pháp quốc tế Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
4. Đồng Thị Kim Thoa (2012), “Cơ chế lựa chọn tòa án trong giải quyết tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài”, *Tạp chí Nghề luật*, Học viện Tư pháp, số 6/2012.
5. Lê Thị Nam Giang và một số tác giả (2017), *Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống pháp luật Tư pháp quốc tế ở VN*, Công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Ngô Quốc Chiến (2015), “Thẩm quyền Tòa án Việt Nam xét xử vụ việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có yếu tố nước ngoài”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 7.
7. Nguyễn Bá Diển (2015), *Giáo trình Luật Mua bán hàng hóa quốc tế*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
8. Nguyễn Đăng Dung (2014), “Nhà nước pháp quyền là tinh thần pháp luật hay là đúng quy trình?”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, Luật học, Tập 30, Số 1.
9. Nguyễn Hồng Nam (2016), *Thẩm quyền của tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài*, Luận án tiến sĩ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Nguyễn Lê Hoài (2015), *Hoàn thiện các quy định của Tư pháp quốc tế Việt Nam về hợp đồng – Kinh nghiệm từ pháp luật của một số nước*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học luật Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Nguyễn Trung Tín (2015), “Thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài”, *Tạp chí Luật học*, Đặc san về góp ý Dự thảo BLTTDS 2015.
12. Nguyễn Trung Tín (2015), “Thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài”, *Tạp chí Luật học*, Đặc san về góp ý Dự thảo BLTTDS 2015
13. Phan Hoài Nam (2016), “Thẩm quyền của tòa án Trung Quốc đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài - Kinh nghiệm tham khảo cho VN”, *Tạp chí Khoa học Pháp lý*, số 7.



14. Phan Hoài Nam (2017), “Yêu cầu về “mối liên hệ gắn bó” trong thoả thuận chọn luật theo pháp luật một số nước và những nội dung có thể tham khảo”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 12.

15. Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2017), “Thực tiễn về giải quyết tranh chấp mua bán hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam và vai trò của các thiết chế tư pháp, hỗ trợ tư pháp”, Đặc san thông tin khoa học pháp lý, (10+11).

16. Bành Quốc Tuấn (2017), “Thoả thuận chọn luật áp dụng cho quan hệ hợp đồng có yếu tố nước ngoài trong pháp luật quốc tế và Việt Nam”, Tạp chí Luật học, số 1.